

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ  
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC  
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ  
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC  
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 44



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2012)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2012)
Ông Phan Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

12501  
HI NH  
CÔNG  
NHIỆ  
LỢI  
IẾT I  
TP.1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Nguyễn Hưng Dũng*

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

002  
ANH  
TY  
HỮU  
TE  
AM  
SC

Số. 0352 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 44 kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.036.763.856.766</b>	<b>14.148.470.765.261</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.709.908.975.761</b>	<b>6.082.192.147.002</b>
1. Tiền	111		3.274.350.524.379	3.841.283.381.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.435.558.451.382	2.240.908.765.222
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>164.164.431.552</b>	<b>80.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>6</b>	164.164.431.552	80.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.461.424.943.556</b>	<b>6.495.746.135.389</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.526.696.569.773	5.258.648.332.421
2. Trả trước cho người bán	132		66.730.135.391	107.070.177.170
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	1.895.482.917.896	1.186.517.566.945
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(27.484.679.504)	(56.489.941.147)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>578.670.090.489</b>	<b>1.129.396.514.583</b>
1. Hàng tồn kho	141		582.429.076.989	1.133.166.124.569
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.758.986.500)	(3.769.609.986)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>122.595.415.408</b>	<b>361.135.968.287</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.504.369.922	15.637.544.636
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.776.377.418	262.269.589.956
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.911.603.713	71.377.971.847
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.403.064.355	11.850.861.848
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>9.186.229.504.324</b>	<b>9.398.025.345.761</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>155.728.000</b>	<b>158.728.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		565.357.637	372.653.040
2. Phải thu dài hạn khác	218		597.459.983	158.728.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.007.089.620)	(372.653.040)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.247.450.565.457</b>	<b>6.455.869.141.497</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	5.942.359.433.608	5.728.613.613.721
- Nguyên giá	222		10.140.220.502.467	8.795.058.263.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.197.861.068.859)	(3.066.444.649.513)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	10.115.310.754	17.389.035.026
- Nguyên giá	228		32.027.780.837	31.109.588.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.912.470.083)	(13.720.553.907)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	294.975.821.095	709.866.492.750
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.384.197.831.468</b>	<b>2.342.419.248.507</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>13</b>	2.110.022.303.387	2.004.517.767.454
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>14</b>	289.617.137.416	348.635.678.033
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>14</b>	(15.441.609.335)	(10.734.196.980)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>554.425.379.399</b>	<b>599.578.227.757</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>15</b>	515.848.455.468	596.858.171.581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>16</b>	35.935.266.075	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.641.657.856	2.720.056.176
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.222.993.361.090</b>	<b>23.546.496.111.022</b>



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>13.346.493.203.056</b>	<b>16.684.178.777.722</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.506.045.395.701</b>	<b>12.178.762.697.142</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.249.669.361.067	2.563.101.206.892
2. Phải trả người bán	312		3.032.213.113.829	3.561.006.943.310
3. Người mua trả tiền trước	313		1.364.395.967.604	1.211.723.905.356
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	467.207.387.623	700.408.890.155
5. Phải trả người lao động	315		400.977.190.614	451.183.906.323
6. Chi phí phải trả	316	19	904.062.287.055	1.640.331.416.704
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	1.933.771.579.266	1.999.284.474.807
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		153.748.508.643	51.721.953.595
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.840.447.807.355</b>	<b>4.505.416.080.580</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	21	331.339.675.549	411.473.775.116
2. Phải trả dài hạn khác	333		18.398.683.429	526.246.489.164
3. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.346.779.515.980	3.322.796.412.748
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335	16	-	5.898.815.660
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	9.313.266.512
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	23	143.929.932.397	229.687.321.380
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>6.245.953.117.234</b>	<b>5.913.547.892.803</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>6.245.916.641.823</b>	<b>5.913.474.941.984</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.978.020.940.000	2.978.020.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.222.151.515	486.293.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.368.196.468	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(765.929.671)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.031.486.370.844	691.201.606.047
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		170.147.073.368	107.896.133.988
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		194.468.349	334.874.417
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.568.477.441.279	1.650.494.317.203
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>36.475.411</b>	<b>72.950.819</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		36.475.411	72.950.819
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>25</b>	<b>1.630.547.040.800</b>	<b>948.769.440.497</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+500)</b>	<b>440</b>		<b>21.222.993.361.090</b>	<b>23.546.496.111.022</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

I. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

Bảng Anh (GBP)

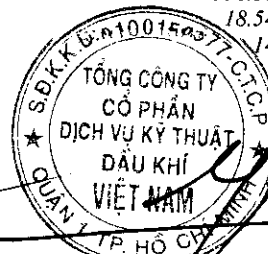
Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
	44.358.378,87	42.197.968,44
	18.548,41	-
	149,91	1.466,37



Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hùng Dũng  
Tổng Giám Đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

01/12/13  
CHI  
COP  
ICH NH  
DELI  
VIET  
1 - TF



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

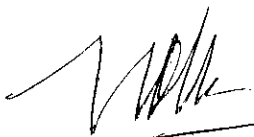
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		24.590.714.320.164	24.313.391.966.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	785.014.943
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	24.590.714.320.164	24.312.606.951.224
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	22.879.696.654.616	22.350.849.146.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.711.017.665.548	1.961.757.804.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	424.861.148.993	615.290.979.299
7. Chi phí tài chính	22	31	384.144.513.110	1.024.585.099.382
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		213.887.118.801	295.984.753.558
8. Chi phí bán hàng	24		84.810.714.743	42.996.840.162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		561.867.321.446	667.084.193.906
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.105.056.265.242	842.382.650.246
11. Thu nhập khác	31	32	506.456.955.734	4.260.106.271.332
12. Chi phí khác	32	33	55.478.030.530	3.551.104.952.511
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		450.978.925.204	709.001.318.821
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	45	34	195.942.543.565	281.860.333.677
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		1.751.977.734.011	1.833.244.302.744
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	531.214.400.748	433.186.172.111
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	16	(41.834.081.735)	(42.039.346.337)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.262.597.414.998	1.442.097.476.970
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty			1.118.432.730.050	1.418.798.211.714
Lợi ích của cổ đông thiểu số		25	144.164.684.948	23.299.265.256
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	36	3.756	4.973

  
Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hùng Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

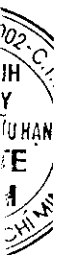
10-  
HÁ  
G T  
M H  
IT  
NA  
HỒ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.751.977.734.011</b>	<b>1.833.244.302.744</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.318.501.410.302	996.928.997.730
Các khoản dự phòng	03	(23.674.036.194)	(17.310.707.618)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(54.116.822.261)	248.318.806.165
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(296.595.279.892)	(754.357.307.076)
Chi phí lãi vay	06	213.887.118.801	275.256.311.871
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.909.980.124.767</b>	<b>2.582.080.403.816</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(195.285.933.523)	(4.993.437.336.463)
Biến động hàng tồn kho	10	550.737.047.580	(683.562.685.559)
Biến động các khoản phải trả	11	(1.491.352.517.584)	6.140.509.796.180
Biến động chi phí trả trước	12	73.142.890.827	(85.247.619.386)
Tiền lãi vay đã trả	13	(220.089.395.671)	(336.823.485.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(630.580.117.624)	(241.703.176.681)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.229.361.104	23.105.303.730
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(96.811.039.662)	(58.235.890.990)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>900.970.420.214</b>	<b>2.346.685.309.628</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(364.405.213.435)	(1.389.016.778.908)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.907.038.526	2.452.258.961.926
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(177.510.315.552)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	155.157.206.250	57.865.693.888
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(172.843.207.500)	(368.491.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty khác	26	-	7.880.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	310.265.017.584	305.107.481.008
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(246.429.474.127)</b>	<b>1.065.603.757.914</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của cổ đông	31	-	539.899.493.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	220.820.000.000	1.517.337.895.010
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(824.703.424.568)	(1.715.202.962.960)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(441.154.713.500)	(458.308.072.459)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.045.038.138.068)</b>	<b>(116.273.647.409)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(390.497.191.981)</b>	<b>3.296.015.420.133</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.082.192.147.002</b>	<b>2.786.041.796.741</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	18.214.020.740	134.930.128
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.709.908.975.761</b>	<b>6.082.192.147.002</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 630.122 triệu đồng (năm 2011: 893.383 triệu đồng) là số tiền mua tài sản cố định trong năm chưa thanh toán cho người bán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 312.023 triệu đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả nợ gốc vay không bao gồm khoản Vietsovpetro trả nợ thay cho Công ty bằng cách bù trừ công nợ với số tiền là 1.487.416 triệu đồng. Giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hưng Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 0100150577 ngày 12 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”) là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.626 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.229 người).

Tổng Công ty có 13 công ty con và các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình
- Công ty TNHH khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú

#### Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; Quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

00112  
CHI  
CỔ  
PHẦN  
DỊCH VỤ  
V.L.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là tương tự như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

300-0  
NHÂN  
VỊ T  
KIỂM HI  
OIT  
T NA  
P. HC

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và chi phí dịch vụ mua ngoài, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 8
Tài sản khác	3 - 15

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, còn quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay





# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m<sup>2</sup> đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng Công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 2 năm đến 10 năm kể từ khi các công ty này đi vào hoạt động chính thức theo hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

### **Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được lập khi vốn góp thực tế của Tổng Công ty vào các công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Tổng Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các công ty này.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

### **Tổng Công ty là bên cho thuê**

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### **Tổng Công ty là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

100112  
CHI I  
CÔN  
ÁCH NH  
DELC  
VIỆT  
1 - TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là tương tự như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

00-00  
HÀNH  
S TY  
M HỮU  
ITTI  
NAM  
100

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	15.855.124.979	10.317.740.963
Tiền gửi ngân hàng	3.258.396.562.997	3.830.801.830.463
Tiền đang chuyển	98.836.403	163.810.354
Các khoản tương đương tiền	2.435.558.451.382	2.240.908.765.222
	<b><u>5.709.908.975.761</u></b>	<b><u>6.082.192.147.002</u></b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số tiền 2.700.000.000 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 9%/năm và kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Cổ phần Đại Dương với lãi suất 8%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	135.242.585.846	-
Phải thu từ SAIPEM ASIA SDN BHD	12.305.607.656	-
Ban quản lý dự án nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	542.635.104.180	183.410.446.887
Yinson Holding Berhad	-	182.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	224.157.274.969	226.513.941.636
Liên doanh dầu khí Việt Nga	163.922.581.801	89.955.101.997
Ký quỹ mở LC	-	273.890.634.793
Công ty xăng dầu Idemitsu	-	112.461.698.904
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	25.338.529.533	-
Talisman	14.416.183.512	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	25.826.720.000	-
Phải thu Cty CPĐTPT Điện tử Viễn Thông.	11.516.550.273	-
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co.,Ltd	12.311.143.165	-
Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	230.819.875.570	-
CGG Veritas Services SA	160.412.870.050	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	199.548.256.261	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	56.512.885.017	-
Phải thu khác	80.516.750.063	118.285.742.728
	<b><u>1.895.482.917.896</u></b>	<b><u>1.186.517.566.945</u></b>

Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản tiền liên quan đến dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí đã chỉ hộ cho Saipem Asia Sdn Bhd.

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Điện Lọc Dầu Khí Long Phú Sông Hậu – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm thu từ doanh thu theo tiến độ hoàn thành nghiệm thu công trình từ cột mốc 1 đến mốc 8 và các khoản phải thu từ doanh thu cho thuê phòng trọ, điện nước cho nhân sự thi công của các nhà thầu phụ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản phải thu từ Tổng Công ty Tài Chính Cổ Phần Dầu Khí Việt Nam (“PVFC”) liên quan đến thỏa thuận giữa Tổng Công ty và PVFC về việc thanh toán trước tiền chuyển nhượng tàu FSO5.

Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng Công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 5 tháng 7 năm 2011 của Tổng Công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 20) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thể hiện khoản phải thu tiền chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC (xem Thuyết minh số 12). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 20) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

Khoản phải thu Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte) là khoản phải thu về phần nhiên liệu chưa sử dụng hết tại tàu Sea Cheyenne, khoản này sẽ được trả cho Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.

Khoản phải thu Talisman bao gồm tiền dịch vụ sửa chữa giềng trong 2012, tuy nhiên chưa xuất hóa đơn trong năm 2012.

Phải thu khác từ CGGVeritas Service SA, Liên doanh dầu khí Việt Nga và PVN là những khoản trích trước doanh thu đã phát sinh trong năm 2012.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	2.923.381.299	18.048.463.151
Nguyên liệu, vật liệu	121.929.086.638	126.473.752.008
Công cụ, dụng cụ	11.434.049.855	9.860.611.981
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	445.703.875.028	978.405.206.908
Hàng hoá	438.684.169	378.090.521
	<b>582.429.076.989</b>	<b>1.133.166.124.569</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.758.986.500)	(3.769.609.986)
	<b>578.670.090.489</b>	<b>1.129.396.514.583</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số tiền 264.764.031.969 đồng là các chi phí liên quan đến dự án Nhiệt điện Long Phú.

100%  
C  
RÁCH  
DE  
VI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU B 09 - DN/HN****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.942.020.219.529	1.018.889.393.679	4.740.122.174.819	82.885.240.238	11.141.234.969	8.795.058.263.234
Mua sắm mới	883.589.524	134.398.124.565	838.829.949.668	16.473.035.294	548.719.000	991.133.418.051
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	171.123.975.116	4.935.496.160	32.395.440.000	-	-	208.454.911.276
Tặng do góp vốn	-	-	573.681.537.420	-	-	573.681.537.420
Thanh lý, nhượng bán	(399.206.182)	(491.276.882)	(7.106.533.218)	(2.478.526.518)	-	(10.475.542.800)
Giảm khác	(222.964.723.562)	(38.958.510.242)	(144.952.535.917)	(2.371.737.021)	(8.384.577.972)	(417.632.084.714)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2.890.663.854.425</b>	<b>1.118.773.227.280</b>	<b>6.032.970.032.772</b>	<b>94.508.011.993</b>	<b>3.305.375.997</b>	<b>10.140.220.502.467</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	646.156.564.632	259.523.590.758	2.107.633.006.036	49.326.086.079	3.805.402.008	3.066.444.649.513
Khấu hao trong năm	507.307.935.315	159.643.477.511	624.281.999.184	17.306.325.163	1.281.596.910	1.309.821.334.083
Tăng khác	19.229.933.934	-	-	-	-	19.229.933.934
Thanh lý, nhượng bán	(399.206.182)	(491.276.882)	(6.720.232.086)	(2.478.526.519)	-	(10.089.241.669)
Giảm khác	-	(10.196.857.848)	(172.144.626.130)	(1.002.982.625)	(4.201.140.399)	(187.545.607.002)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.172.295.227.699</b>	<b>408.478.933.539</b>	<b>2.553.050.147.004</b>	<b>63.150.902.098</b>	<b>885.858.519</b>	<b>4.197.861.068.859</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	<b>1.718.368.626.726</b>	<b>710.294.293.741</b>	<b>3.479.919.885.766</b>	<b>31.357.109.895</b>	<b>2.419.517.478</b>	<b>5.942.359.433.606</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>2.295.863.654.897</b>	<b>759.365.802.921</b>	<b>2.632.489.168.783</b>	<b>33.559.154.159</b>	<b>7.335.832.961</b>	<b>5.728.613.613.721</b>

Trong năm, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê khách sạn dầu khí tại số 0-11 Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, theo đó giá trị tài sản cố định và khấu hao tương ứng năm trước Tổng Công ty đã tạm ghi nhận vào sổ sách theo Quyết định tạm giao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được hạch toán giảm trong năm 2012.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.083.840 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.965.823 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.901.539 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.030.490 triệu đồng).

Theo Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển giao cho Tổng Công ty làm chủ Đầu tư dự án Khu Công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn - Thanh Hóa từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty chưa nhận và chưa ghi tăng tài sản do việc chuyển nhượng dự án từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	1.310.220.000	29.799.368.933	31.109.588.933
Mua trong năm	-	3.394.288.200	3.394.288.200
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.143.772.726	1.143.772.726
Giảm khác	-	(3.619.869.022)	(3.619.869.022)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.310.220.000</b>	<b>30.717.560.837</b>	<b>32.027.780.837</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	13.720.553.907	13.720.553.907
Khấu hao trong năm	-	8.680.076.219	8.680.076.219
Giảm khác	-	(488.160.043)	(488.160.043)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>-</b>	<b>21.912.470.083</b>	<b>21.912.470.083</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.310.220.000</b>	<b>8.805.090.754</b>	<b>10.115.310.754</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>1.310.220.000</b>	<b>16.078.815.026</b>	<b>17.389.035.026</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	-	30.010.848.071
Căn cứ chế tạo phương tiện nổi	-	1.104.401.558
Cảng Phước An	203.608.667.358	171.193.965.650
Dự án tiếp nhận và Đầu tư mở rộng giai đoạn 2 cảng Hòn La	-	1.564.395.000
Trung tâm thương mại Đà Nẵng	22.301.599.342	82.070.738.183
Khu dịch vụ Dầu khí tổng hợp Dung Quất	-	11.293.564.622
Khu Dịch vụ công ty Halliburton	-	8.465.664.857
PTSC Tower Vũng tàu	8.637.308.668	8.636.508.668
Dự án Đóng mới và kinh doanh tàu Dịch vụ Đa năng 10.000 HP	-	2.057.071.493
Nhà máy đóng tàu đặc chủng Nhơn Trạch	-	355.559.451.500
Dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời	22.786.164.935	15.812.824.076
Nhà văn phòng PTSC Thanh Hóa	-	4.695.581.030
Cải tạo nội thất khách sạn	-	1.729.070.455
Trang bị 1 cần cầu thủy lực HLM 10-3S tàu An Bang	-	1.230.000.000
Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương	1.079.746.500	1.012.885.500
Phần mềm quản lý văn bản tài liệu	-	1.143.772.726
Hệ thống công trực của Nhà xưởng chế tạo sàn	10.306.143.677	-
Nhà xưởng chế tạo sàn	9.123.699.653	-
Cầu tháp 16 tấn	7.200.000.000	-
Nhà công vụ Cảng Hòn La	6.983.441.881	30.010.848.071
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.949.049.081	12.285.749.361
	<b>294.975.821.095</b>	<b>709.866.492.750</b>

Dự án "Mở rộng Cảng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí hạ lưu Vũng Tàu" đã tạm tính một phần giá trị và chuyển giao lại cho các đơn vị - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng Hải. Trong năm 2012, một số hạng mục tiếp tục thực hiện, hoàn thành và kết chuyển toàn bộ cho đơn vị.

Ngày 07 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành quyết định số 948/QĐ-DVKT-HĐQT về việc chấm dứt dự án đóng mới tàu AHTS 10.000 HP. Theo đó, Dự án đóng mới tàu DVĐK Đa năng công suất 10.000HP không tiếp tục triển khai và đã được xử lý tài chính theo quy định trong năm 2012.

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

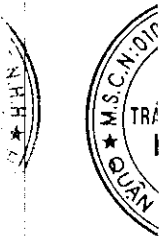
Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	96,24	93,88	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Định Vũ	Việt Nam	50,61	50,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100	100	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	43,35	43,35	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	Việt Nam	100	100	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Việt Nam	100	100	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	56,82	56,82	Dịch vụ căn cứ cảng

Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí được hợp nhất như công ty con trong báo cáo tài chính này.

Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định số 919/QĐ-DVKT-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình thành Công ty TNHH một thành viên. Theo đó, Tổng Công ty đã mua lại toàn bộ cổ phần của các cổ đông khác tại Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và vốn điều lệ sau chuyển đổi là 250.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình đã hoạt động theo hình thức Công ty TNHH một thành viên.

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC cho Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất. Tổng số cổ phần Tổng Công ty nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 300.000 cổ phần (chiếm 1% vốn điều lệ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC không còn là công ty con của Tổng Công ty và theo đó, khoản đầu tư này được phân loại và ghi nhận ở mục đầu tư dài hạn khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV là Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập từ vốn góp của Tổng Công ty và CGGVeritas Services Holding B.V (Hà Lan) với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 28.668.000 Đô la Mỹ (51%) và 27.543.765 Đô la Mỹ (49%) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000358 ngày 09 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV là cung cấp các dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn hai chiều (2D) và ba chiều (3D) ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 09 tháng 11 năm 2011 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trong năm, Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn sở hữu thuộc Tổng Công ty theo Quyết định số 742/NQ-DVKT-HĐQT ngày 23 tháng 08 năm 2012 của Hội đồng Quản trị. Cùng với việc chuyển đổi thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC cũng được điều chỉnh giảm theo Quyết định số 910/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC đã hoạt động theo hình thức công ty TNHH với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 2030/DVKT-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2012 về việc triển khai chuyển đổi Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC thì Công ty Cổ phần Dịch vụ cơ khí hàng hải sẽ được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc chuyển đổi sẽ được tiến hành trong năm 2013.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.660.165.515.787	1.491.172.308.287
<b>Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:</b>		
Các năm trước	513.345.459.167	231.485.125.490
Trong năm	195.942.543.565	281.860.333.677
Trừ: Lợi nhuận được chia	<u>(259.431.215.132)</u>	<u>-</u>
	<b><u>2.110.022.303.387</u></b>	<b><u>2.004.517.767.454</u></b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ		Hoạt động chính
		Sở hữu %		
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00		Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00		Dịch vụ tàu thuyền
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00		Dịch vụ tàu thuyền
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	37,00		Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (v)	Việt Nam	42,05		Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75		Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC SEA (iii)	Singapore	51,00		Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC AP (iv)	Singapore	51,00		Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng Công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng Công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng Công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ

01/11  
 CHI  
 CÔ  
 CHN  
 JEL  
 VIỆ  
 1-11

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng Công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01"; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. Trong năm, Tổng Công ty đã góp thêm 42.489 triệu đồng vào liên doanh. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 13.387.500 Đô la Mỹ, tương đương 278.622.307.500 đồng.
- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng Công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHDT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Son (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 5.100.000 Đô la Mỹ, tương đương 106.411.500.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSB) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Hoạt động chính của PVSB là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào PVSB là 210.230.500.000 đồng.

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	147.834.093.706	209.852.634.323
Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác	<u>141.783.043.710</u>	<u>138.783.043.710</u>
	<b>289.617.137.416</b>	<b>348.635.678.033</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(15.441.609.335)</u>	<u>(10.734.196.980)</u>
	<b><u>274.175.528.081</u></b>	<b><u>337.901.481.053</u></b>

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản cho vay này tương đương 7.102.286,51 Đô la Mỹ.

Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác của Tổng Công ty là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần có cổ phiếu chưa niêm yết trong các doanh nghiệp và Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động.

500-0  
NHÂN  
IG TY  
EM HỮ  
DITT  
NAN  
HỒ C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ	3.233.579.490	6.467.158.982
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	322.189.992.967	325.584.374.694
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	132.324.625.979	132.737.859.581
Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi các công ty con và chi nhánh	37.944.750.000	91.288.025.607
Đánh giá lại công cụ dụng cụ khi chuyển sang công ty cổ phần	819.891.774	3.830.520.181
Chi phí trả trước về QSDĐ tại 9-11 Hoàng Diệu	-	13.374.412.000
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	19.335.615.258	23.575.820.536
	<u><b>515.848.455.468</b></u>	<u><b>596.858.171.581</b></u>

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m<sup>2</sup> đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Thời gian phân bổ còn lại là 3 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m<sup>2</sup> đất tại khu kinh tế Đình Vũ – Hải phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃU B 09 - DN/HN****16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

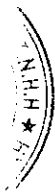
Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Lợi nhuận từ công ty liên doanh VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	15.138.371.949	-	-	(3.514.344.547)	-	(59.562.189.399)	(47.938.161.997)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	80.026.705.343	(5.145.653.324)	-	3.514.344.547	29.311.793.885	(65.667.844.114)	42.039.346.337
Tại ngày 31/12/2011	95.165.077.292	(5.145.653.324)	-	-	29.311.793.885	(125.230.033.513)	(5.898.815.660)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(61.656.370.452)	(2.100.163.739)	5.576.953.747	-	71.327.400.639	28.686.261.540	41.834.081.735
Tại ngày 31/12/2012	<b>33.508.706.840</b>	<b>(7.245.817.063)</b>	<b>5.576.953.747</b>	<b>-</b>	<b>100.639.194.524</b>	<b>(96.543.771.973)</b>	<b>35.935.266.075</b>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính.

	31/12/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(103.789.589.036)	(130.375.686.837)
	139.724.855.111	124.476.871.177
	<b>35.935.266.075</b>	<b>(5.898.815.660)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty con của Tổng công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC có các khoản lỗ tính thuế là 444.118.053.328 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ này sẽ hết hạn vào năm 2017.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	228.630.275.888	239.006.282.908
Trong đó:		
- Vay từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC)	228.630.275.888	228.630.275.888
- Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	10.376.007.020
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>1.021.039.085.179</u>	<u>2.324.094.923.984</u>
	<b><u>1.249.669.361.067</u></b>	<b><u>2.563.101.206.892</u></b>

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630 triệu đồng từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC"), hợp đồng gốc bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 và được gia hạn vào ngày 15 tháng 12 năm 2012 với thời gian đáo hạn là 15 tháng 6 năm 2013. Trước đây, mục đích của khoản vay nhằm vay vốn bắc cầu bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nổi FSO5. Hiện tại, Tổng Công ty đã nhượng lại kho nổi này cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga ("VSP"). Khoản vay này có mức lãi suất ưu đãi là 0%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5, Tổng Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng FSO5 cho VSP trong năm 2011. Theo thỏa thuận, Tổng Công ty đồng thời đã chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc Đô la Mỹ từ PVFC phục vụ dự án này sang cho VSP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, toàn bộ số dư nợ gốc 62.521.594 Đô la Mỹ (tương đương 1.301.387 triệu đồng) phải trả cho PVFC đã được chuyển giao cho VSP theo hình thức cân trừ với khoản phải thu VSP phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng công trình này. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay nói trên cho VSP.

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	125.449.467.579	305.513.553.756
Thuế xuất, nhập khẩu	22.679.546	839.955.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.426.342.755	295.569.834.646
Thuế thu nhập cá nhân	4.937.323.237	25.638.860.699
Các loại thuế khác	<u>137.371.574.506</u>	<u>72.846.685.380</u>
	<b><u>467.207.387.623</u></b>	<b><u>700.408.890.155</u></b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	236.757.197.267	1.463.774.109.695	1.575.081.839.383	125.449.467.579
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	36.017.239.824	36.017.239.824	-
Thuế xuất nhập khẩu	839.955.674	7.259.136.784	8.076.412.912	22.679.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.900.599.102	532.283.324.940	630.580.117.624	196.603.806.418
Thuế thu nhập cá nhân	23.686.480.884	188.740.984.028	192.457.895.583	19.969.569.329
Thuế nhà đất	-	422.505.623	422.505.623	-
Các loại thuế khác	72.846.685.381	539.667.492.907	495.112.173.111	117.402.005.177
Các khoản phí, lệ phí	-	252.080.000	252.080.000	-
Các khoản khác	-	21.651.927.134	16.803.671.273	4.848.255.861
	<b><u>629.030.918.308</u></b>	<b><u>2.790.068.800.935</u></b>	<b><u>2.954.803.935.333</u></b>	<b><u>464.295.783.910</u></b>
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	71.377.971.848			2.911.603.713
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	700.408.890.156			467.207.387.623

1001125  
CHI  
CÔI  
RÁCH NH  
DEL  
VIỆ  
1/1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	169.474.737.873	355.347.978.636
Dự án Chim Sáo	14.431.935.529	57.837.524.716
Chi phí dự phòng cho sự cố Riser của dự án FSO5	-	345.570.363.780
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.613.931.670	176.208.258.700
Dự án Booster Compressor	40.395.946.700	192.980.769.160
Chi phí hoạt động tàu địa chấn 2D/3D	68.307.516.422	-
Lãi vay phải trả	243.989.281.474	196.755.059.619
Chi phí phải trả thuộc dự án Mở Rộng Giai đoạn 3	-	34.843.836.163
Dự án Thăng Long - Đông Đô	11.597.900.321	-
Chi phí nhượng bán tàu Ruby Princess	20.319.272.698	-
Asian Geos (s) Pte Ltd	57.771.673.331	-
Dự án Hải Sư Trắng Đen	12.127.452.092	40.241.685.286
Dự án 5B Dung Quất	-	10.040.288.120
Dự án Ruby Gaslift	10.634.432.305	21.228.688.852
Chi phí hoạt động tàu Ruby II	23.339.364.721	20.270.095.782
Trích trước chi phí dự án Mộc Tinh	16.549.885.742	-
Chi phí dịch vụ căn cứ hậu cần thực hiện cho Vietgazzprom	17.468.610.224	-
Chi phí marketing	11.564.766.162	-
Chi phí phải trả khác	89.475.579.791	189.006.867.890
	<u><b>904.062.287.055</b></u>	<u><b>1.640.331.416.704</b></u>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	965.729.216.010	1.046.459.836.703
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	208.150.000.000	-
Công ty Cổ phần PVI	6.292.463.918	6.292.463.918
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	111.000.000.000	113.850.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin")	386.515.160.668	416.941.360.596
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	-	32.702.534.587
Công ty Lan Phương	14.164.431.552	-
Gulf Marine FarEast (Pte) Ltd	17.539.076.374	-
Doanh thu chưa thực hiện	14.440.746.597	-
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	34.454.934.086	66.161.928.778
Công ty TNHH một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Cổ tức phải trả	6.022.862.173	12.412.327.673
Khác	130.123.937.751	265.125.272.415
	<u><b>1.933.771.579.266</b></u>	<u><b>1.999.284.474.807</b></u>

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như cổ tức năm 2011 phải trả là 306 tỷ đồng, giá trị chuyển nhượng Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch 355,6 tỷ đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2012 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa với số tiền là 281,83 tỷ đồng.

Khoản phải trả Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là số tiền phải trả liên quan tới dịch vụ thuê tàu FPSO.

Phải trả Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN**

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	1.356.723.684.365	1.485.654.344.099
Đô la Mỹ	3.011.094.916.794	4.161.236.992.633
	<u><b>4.367.818.601.159</b></u>	<u><b>5.646.891.336.732</b></u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu, ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Công thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 13,65%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Mitsubishi, ngân hàng Indovina, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Việt Nga, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Bangkok, Ngân hàng Natixis, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,7%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích của các khoản vay dài hạn nhằm thanh toán các chi phí liên quan tới các dự án xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, mua lại phần vốn góp vào cảng Phước An, PV Shipyard và dự án 2D 3D CGGV.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 9 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tương đương 105.535.622 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 199.790.522 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	1.021.039.085.179	2.324.094.923.984
Từ 1 năm đến 2 năm	968.825.591.162	780.284.114.113
Từ 2 năm đến 5 năm	2.161.583.729.615	1.882.950.910.821
Trên 5 năm	216.370.195.203	659.561.387.814
	<u><b>4.367.818.601.159</b></u>	<u><b>5.646.891.336.732</b></u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn, xem Thuyết minh 17)	1.021.039.085.179	2.324.094.923.984
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>3.346.779.515.980</b></u>	<u><b>3.322.796.412.748</b></u>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành các công trình dầu khí tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

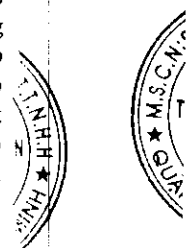
<b>Cổ phần</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	312.692.241	298.205.146
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	297.802.094	297.802.094
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	297.802.094	297.802.094

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

**Chi tiết vốn điều lệ tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:**

	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 31/12/2011	
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	153.000.000	51,38	153.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần				
Dầu khí Việt Nam	5,85	17.407.800	7,52	22.407.800
Các cổ đông khác	42,77	127.394.294	41,10	122.394.294
	<u>100,00</u>	<u>297.802.094</u>	<u>100</u>	<u>297.802.094</u>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 879/NQ-DVĐK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 10 năm 2012, các cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 2.978 tỷ đồng lên 4.467 tỷ đồng bằng việc phát hành 148.901.047 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, 44.670.314 cổ phần được phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ thực hiện quyền là 20:03 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 20 cổ phần sẽ được nhận 03 cổ phần mới) và 104.230.733 cổ phần được phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:7 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được phân phối 01 quyền mua và cổ đông sở hữu 20 cổ phần được mua 07 cổ phần mới). Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn này theo báo cáo kết quả chào bán cổ phần ra công chúng số 394/DVKT-VP ngày 08 tháng 3 năm 2013. Theo kết quả của báo cáo này, toàn bộ số cổ phần thường được phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần có số lượng thực tế là 44.667.594 cổ phần.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÁU B 09 - DN/HN****Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Các quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	1.988.034.310.000	486.293.000.000	-	14.743.828.868	798.449.784.835	237.747.758.807	3.525.268.682.510
Tăng vốn điều lệ	989.986.630.000	-	-	-	-	-	989.986.630.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.418.798.211.714	1.418.798.211.714
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	982.829.617	-	982.829.617
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(15.509.758.539)	-	-	(15.509.758.539)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(6.051.653.318)	(6.051.653.318)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.978.020.940.000</b>	<b>486.293.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(765.929.671)</b>	<b>799.432.614.452</b>	<b>1.650.494.317.203</b>	<b>5.913.474.941.984</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.118.432.730.050	1.118.432.730.050
Phân phối lợi nhuận	-	-	13.847.484.577	-	403.058.690.018	(607.938.165.088)	(191.031.990.493)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(595.604.188.000)	(595.604.188.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	765.929.671	-	-	765.929.671
Tăng/(Giảm) khác	-	(70.848.485)	(2.479.288.109)	-	(663.391.909)	3.092.747.114	(120.781.389)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2.978.020.940.000</b>	<b>486.222.151.515</b>	<b>11.368.196.468</b>	<b>-</b>	<b>1.201.827.912.561</b>	<b>1.568.477.441.279</b>	<b>6.245.916.641.823</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 353/NQ-DVKT-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Công ty mẹ đồng ý thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau: Trích các Quỹ đầu tư phát triển là 328.736.162.461 đồng, quỹ dự phòng tài chính là 58.194.856.964 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 174.584.570.893 đồng và chia cổ tức là 595.604.188.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011. Cũng theo Nghị quyết này, các cổ đông đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức theo kế hoạch cho năm 2012 là 15%, trích quỹ dự phòng tài chính là 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 15%, phần lợi nhuận được phân phối còn lại bổ sung quỹ đầu tư phát triển 1,63%.

Trong năm, các công ty con đã trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với tổng số tiền là 16.127.670.593 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

Theo Quyết định số 01/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 4 tháng 1 năm 2013 về việc tạm ứng cổ tức năm 2012 của Tổng Công ty, tỷ lệ tạm ứng cổ tức của năm 2012 là 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Việc chi trả tạm ứng cổ tức được thực hiện trong năm 2013 sau khi chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÁU B 09 - DN/HN**

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo đường công trình đầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Đầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ đầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu nr KT Cảng Phước An	Công ty Cổ phần Đầu khí Dầu nr Công ty TNHH Khai sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	614.444.360.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	330.000.000.000	42.352.900.000	440.000.000.000	1.171.498.641.420	4.248.295.901.420
<i>Trong đó:</i>										
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty (đồng)	576.860.500.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	167.000.000.000	18.360.000.000	250.000.000.000	597.817.104.000	2.764.843.604.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số (đồng)	37.583.860.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	163.000.000.000	23.992.900.000	190.000.000.000	573.681.537.420	1.483.452.297.420
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>6,12%</b>	<b>49,00%</b>	<b>4,81%</b>	<b>40,39%</b>	<b>45,31%</b>	<b>49,39%</b>	<b>56,65%</b>	<b>43,18%</b>	<b>48,97%</b>	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

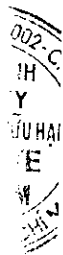
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

**MẪU B 09 - DN/HN**

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công nghiệp thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư KT Cảng Phước An	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGV	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	450.465.500.298	1.920.103.816.023	812.647.359.398	543.300.219.531	450.465.500.298	612.158.849.725	83.132.106.622	468.212.721.416	2.542.159.515.387	10.619.172.678.803
Tổng nợ phải trả	47.180.221.470	1.446.387.851.788	921.800.713.030	182.495.189.738	47.180.221.470	302.535.831.638	45.700.224.431	18.421.179.747	1.126.700.169.387	6.047.854.019.855
Tài sản thuần	403.285.278.828	473.715.964.235	(109.153.353.632)	360.805.029.793	403.285.278.828	309.623.018.087	37.431.882.191	449.791.541.669	1.415.459.346.000	4.571.318.658.948
Chi tiết như sau:										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	330.000.000.000	42.352.900.000	440.000.000.000	1.171.498.641.420	4.248.295.901.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	-	(140.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	7.644.654.711	-	17.767.789.604
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	1.014.941.379	1.754.770.078	2.488.791.808	4.401.010.358	1.014.941.379	-	600.845.390	1.370.899.287	-	16.127.603.244
Quỹ dự phòng tài chính	63.433.889	2.000.000.000	1.303.708.927	275.063.147	63.433.889	-	448.600.139	685.449.643	-	6.994.714.488
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	448.600.139	-	-	448.600.139
Lợi nhuận chưa phân phối (Lũ lũy kế)	2.206.903.560	69.961.194.157	(413.860.604.183)	6.128.956.288	2.206.903.560	(20.236.981.913)	(6.419.063.477)	90.538.028	243.960.704.580	281.824.050.053
Lợi ích của cổ đông thiểu số										
Chi tiết như sau:										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.583.860.000	60.193.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	163.000.000.000	23.992.900.000	190.000.000.000	573.681.537.420	1.483.452.297.420
Thặng dư vốn cổ phần	619.204.129	-	-	-	-	(69.151.515)	-	3.301.100.898	-	(69.151.515)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.920.305.027
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	219.791.793	264.062.188	442.495.366	1.777.442.340	459.836.933	-	340.378.660	591.979.238	-	4.215.606.168
Quỹ dự phòng tài chính	-	300.965.000	638.817.374	111.090.146	28.739.833	-	254.131.789	295.989.618	-	1.736.360.283
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	254.131.790	-	-	254.131.790
Lợi nhuận chưa phân phối (Lũ lũy kế)	22.671.299.609	10.527.935.400	(19.891.520.172)	2.475.310.332	999.876.279	(9.995.842.581)	(3.636.396.754)	39.095.967	119.467.276.466	137.037.491.628
	<b>61.094.155.531</b>	<b>71.285.962.588</b>	<b>(5.246.274.020)</b>	<b>145.718.842.818</b>	<b>182.715.453.065</b>	<b>152.935.005.904</b>	<b>21.295.145.485</b>	<b>194.228.165.721</b>	<b>693.148.813.886</b>	<b>1.630.547.040.800</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU B 09 - DN/HN**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo đường công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PYTECH	Công ty Cổ phần Cảng Dầu khí Đẩu tư KT Cảng Phước An	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Tổng cộng
(Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm (đồng))	69.961.194.157	29.347.871.596	446.838.253.762	6.130.756.288	2.206.903.560	1.087.491.502	(6.419.063.478)	243.960.704.580	24.320.129	243.960.704.580	240.794.662.104
(Lợi nhuận/ (lỗ) của cổ đông thiểu số (đồng))	20.878.378.346	14.380.457.082	(21.476.535.937)	2.476.037.300	999.876.279	537.154.893	(3.636.396.755)	119.467.276.466	10.301.874	119.467.276.466	144.164.684.948

**26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

**Bộ phận kinh doanh**

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí

Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO

Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa  
chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ càn cứ cảng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp

Sửa chữa, vận hành và lắp đặt

Cung cấp các dịch vụ khác

**Hoạt động**

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí

Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô

Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo  
sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ càn cứ cảng, cho thuê văn phòng và  
vụ khác có liên quan

Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí

khí

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

PHẦN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh này như sau:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	Dịch vụ rà soát kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chửa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cừ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>									
Tài sản bộ phận	3.599.045.643.374	2.143.808.984.251	3.573.504.812.165	5.424.352.970.377	6.056.247.234.382	2.272.104.969.049	600.524.757.729	(4.544.360.085.280)	19.125.229.286.047
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	449.856.787.600
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.647.907.287.443
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>									<u>21.222.993.361.090</u>
<b>Nợ phải trả</b>									
Nợ phải trả bộ phận	3.554.140.757.682	1.487.781.433.170	2.110.974.850.461	3.297.021.097.718	4.731.013.556.328	2.041.970.048.681	129.917.572.703	(4.544.360.085.280)	12.808.459.211.463
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	538.033.991.593
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>									<u>13.346.493.203.056</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẤU B 09 - DN/HN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>												
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	4.860.173.684.509	401.773.107.986	3.654.362.548.827	1.478.618.119.748	12.108.570.348.101	1.450.754.565.960	656.461.945.033	-	24.590.714.320.164	-	24.590.714.320.164	
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	279.770.273.378	9.674.323.382	138.629.777.477	397.815.566.252	247.684.123.517	2.304.498.633.050	651.040.946.822	(4.029.113.643.877)	-	-		
Tổng doanh thu	5.139.943.957.887	411.447.431.368	3.792.992.326.304	1.876.433.686.000	12.356.254.471.618	3.755.253.199.010	1.287.502.891.855	-	28.619.827.964.042	-	28.619.827.964.042	
<b>Gia vốn</b>												
Gia vốn bán ra bên ngoài	4.339.713.245.251	326.635.860.503	3.183.322.684.935	1.083.225.980.181	12.105.861.961.357	1.234.309.564.678	606.627.357.731	-	22.879.696.654.616	-	22.879.696.654.616	
Gia vốn bán cho các bộ phận khác	279.770.273.378	9.674.323.382	138.629.777.477	397.815.566.252	247.684.123.517	2.304.498.633.050	566.480.886.935	(3.944.553.583.991)	-	-		
Tổng giá vốn	4.619.483.518.609	336.310.183.885	3.321.952.462.412	1.481.041.546.433	12.353.546.084.874	3.538.808.197.728	1.173.108.244.666	-	26.824.250.238.607	-	26.824.250.238.607	
<b>Lợi nhuận gộp</b>												
Lợi nhuận gộp bộ phận	520.460.439.278	75.137.247.483	471.039.863.892	395.392.139.567	2.708.386.744	216.445.001.282	29.834.587.302	-	1.711.017.668.548	-	1.711.017.668.548	
<b>Chi phí bán hàng và chi phí quản lý</b>												
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính												646.678.036.189
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh												40.716.635.883
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác												1.105.056.265.242
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết												450.978.925.204
Lợi nhuận trước thuế												195.942.543.565
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp												1.751.977.734.011
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại												531.214.400.748
<b>Lợi nhuận trong năm</b>												(41.834.081.735)
												<b>1.262.597.414.998</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	4.710.253.925.614	4.889.722.703.739
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.962.254.763.975	12.600.621.086.537
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.918.205.630.575	6.823.048.175.891
	<u><b>24.590.714.320.164</b></u>	<u><b>24.313.391.966.167</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Giảm giá hàng bán	-	785.014.943
	<u><b>24.590.714.320.164</b></u>	<u><b>24.312.606.951.224</b></u>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa	4.706.155.663.811	4.761.733.200.981
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.199.901.845.363	11.115.091.524.847
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.973.639.145.442	6.474.024.420.999
	<u><b>22.879.696.654.616</b></u>	<u><b>22.350.849.146.827</b></u>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.196.742.154.975	7.663.795.608.762
Chi phí nhân công	1.932.811.770.252	2.031.999.937.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.318.501.410.302	996.928.997.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.153.038.800.743	15.271.106.566.335
Chi phí khác	1.501.967.864.780	1.289.149.619.418
	<u><b>27.103.062.001.052</b></u>	<u><b>27.252.980.729.489</b></u>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	310.265.017.584	295.984.753.558
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.625.512.044
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.190.581.415	262.185.167.104
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	54.116.822.261	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	288.727.733	46.495.546.593
	<u><b>424.861.148.993</b></u>	<u><b>615.290.979.299</b></u>

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	213.887.118.801	275.256.311.871
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	248.318.806.165
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.774.641.522	389.966.447.835
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	14.757.414.154	52.544.294.800
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	4.707.412.355	1.392.203.042
Chi phí tài chính khác	100.017.926.280	57.107.035.669
	<b><u>384.144.513.110</u></b>	<b><u>1.024.585.099.382</u></b>

**32. THU NHẬP KHÁC**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.502.147.577	3.969.804.719.899
Tiền phạt, bồi thường	25.444.287.130	6.973.536.812
Liên doanh MVOT trả chi phí thành lập	6.559.591.148	21.648.776.292
Lãi đánh giá lại tài sản công ty con chuyển về	-	59.443.595.375
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	72.193.950.117
Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi các công ty con và chi nhánh	-	110.404.134.770
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	6.432.048.960	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành sự cố Riser tàu FSO5	345.570.363.780	-
Chênh lệch giá trị góp vốn tàu Bình Minh 02	27.718.698.422	-
Hoàn nhập các khoản dự phòng bảo hành công trình	85.757.388.983	-
Các khoản thu nhập khác	5.472.429.734	-
	<b><u>506.456.955.734</u></b>	<b><u>4.260.106.271.332</u></b>

**33. CHI PHÍ KHÁC**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phạt, bồi thường	11.959.939.463	4.253.599.405
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.414.471.115	3.522.057.678.425
Giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại	-	3.686.358.765
Trích trước chi phí vật tư tàu Bình Minh 02	20.835.143.000	-
Chi phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội	5.045.000.000	-
Các khoản chi phí khác	15.223.476.952	21.107.315.916
	<b><u>55.478.030.530</u></b>	<b><u>3.551.104.952.511</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. PHÂN LỢI NHUẬN THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	6.460.301.659	8.117.908.241
Công ty Ròng Đồi MV12	17.032.550.654	17.761.027.382
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	114.446.029.206	128.891.844.919
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	55.656.591.561	116.018.502.658
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	2.899.732.521	8.852.574.804
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí	2.389.429.905	2.218.475.673
Công ty Liên doanh PTSC SEA	(474.519.555)	-
Công ty Liên doanh PTSC AP	(2.467.572.386)	-
	<u><b>195.942.543.565</b></u>	<u><b>281.860.333.677</b></u>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	1.751.977.734.011	1.833.244.302.743
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Các khoản điều chỉnh giảm	(659.649.561.616)	(612.224.676.883)
Các khoản điều chỉnh tăng	<u>1.028.361.692.849</u>	<u>835.608.103.326</u>
Thu nhập chịu thuế	2.120.689.865.244	2.056.627.729.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	530.172.466.311	514.156.932.297
Giảm trừ thuế	(443.971.456)	(81.430.120.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	<u>1.485.905.893</u>	<u>459.360.320</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần</b>	<u><b>531.214.400.748</b></u>	<u><b>433.186.172.111</b></u>

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An thuộc đối tượng được giảm 30% thuế suất thuế TNDN theo Nghị Quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 do Quốc hội ban hành cung cấp các hướng dẫn về việc giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, trong năm Tổng Công ty được giảm trừ một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp là 443.971.456 đồng.

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (đồng)	1.118.432.730.050	1.418.798.211.714
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.118.432.730.050	1.418.798.211.714
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	<u>297.802.094</u>	<u>285.325.550</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<u><b>3.756</b></u>	<u><b>4.973</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÂU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty có phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suy giảm trên cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành thêm 44.667.594 cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần như đã nêu tại Thuyết minh 24 (năm 2011: không phát sinh).

2012

Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng)	1.118.432.730.050
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	297.802.094
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	
Cổ phiếu thường	44.667.594

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	342.469.688
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b><u>3.266</u></b>

**37. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã lập kế hoạch dự toán năm 2013 cho việc mua, đầu tư tài sản cố định và đầu tư tài chính khoảng 1.846 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào các công trình với giá trị khoảng 28 tỷ đồng, đầu tư vào mua sắm phương tiện thiết bị khoảng 21 tỷ đồng và đầu tư tài chính khoảng 1.797 tỷ đồng. Kế hoạch này sẽ được đệ trình cho các cổ đông phê duyệt chính thức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

**38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 1.408.481 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.448.933 triệu đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	4.596.448.877.047	5.885.897.619.640
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.709.908.975.761	6.082.192.147.002
Nợ thuần	(1.113.460.098.714)	(196.294.527.362)
Vốn chủ sở hữu	6.245.916.641.823	5.913.474.941.984
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>(0,18)</u></b>	<b><u>(0,03)</u></b>

0-002  
**ÁNH**  
**TY**  
**HỮU**  
**TTE**  
**NAM**  
**CH**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.709.908.975.761	6.082.192.147.002
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.394.850.536.165	6.388.834.686.219
Đầu tư tài chính	438.339.959.633	417.901.481.053
Các khoản ký quỹ	17.044.722.211	14.570.918.024
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.560.144.193.770</b>	<b>12.903.499.232.298</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.596.448.877.047	5.885.897.619.640
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.425.198.050.384	6.684.915.963.656
Chi phí phải trả	904.062.287.055	1.640.331.416.704
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.925.709.214.486</b>	<b>14.211.145.000.000</b>

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	4.496.298.088.541	5.473.571.989.659	8.401.409.261.939	6.482.772.010.419
<i>Bảng Anh (GBP)</i>	1.968.600.607	-	2.587.225.777	-
<i>Euro (EUR)</i>	540.638.197	1.294.200.527	1.020.562.713	-
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	--	125.622.090	3.172.170.067	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	195.255.558.670	50.460.001.038

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 70.178.345.247 đồng (năm 2011: 112.463.518.964 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.709.908.975.761	-	-	5.709.908.975.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.394.850.536.165	-	-	5.394.850.536.165
Đầu tư tài chính	164.164.431.552	274.175.528.081	-	438.339.959.633
Các khoản ký quỹ	14.403.064.355	2.641.657.856	-	17.044.722.211
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.283.327.007.833</b>	<b>276.817.185.937</b>	<b>-</b>	<b>11.560.144.193.770</b>
<b>31/12/2012</b>				
Các khoản vay	1.249.669.361.067	3.130.409.320.777	216.370.195.203	4.596.448.877.047
Phải trả người bán và phải trả khác	4.931.529.759.009	493.668.291.375	-	5.425.198.050.384
Chi phí phải trả	904.062.287.055	-	-	904.062.287.055
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.085.261.407.131</b>	<b>3.624.077.612.152</b>	<b>216.370.195.203</b>	<b>10.925.709.214.486</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.198.065.600.702</b>	<b>(3.347.260.426.215)</b>	<b>(216.370.195.203)</b>	<b>634.434.979.284</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.082.192.147.002	-	-	6.082.192.147.002
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.388.675.958.219	158.728.000	-	6.388.834.686.219
Đầu tư tài chính	80.000.000.000	-	337.901.481.053	417.901.481.053
Các khoản ký quỹ	11.850.861.848	2.720.056.176	-	14.570.918.024
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.562.718.967.069</b>	<b>2.878.784.176</b>	<b>337.901.481.053</b>	<b>12.903.499.232.298</b>
<b>31/12/2011</b>				
Các khoản vay	2.563.101.206.892	2.663.235.024.934	659.561.387.814	5.885.897.619.640
Phải trả người bán và phải trả khác	5.517.508.377.996	1.167.407.585.660	-	6.684.915.963.656
Chi phí phải trả	1.640.331.416.704	-	-	1.640.331.416.704
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.720.941.001.592</b>	<b>3.830.642.610.594</b>	<b>659.561.387.814</b>	<b>14.211.145.000.000</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.841.777.965.477</b>	<b>(3.827.763.826.418)</b>	<b>(321.659.906.761)</b>	<b>(1.307.645.767.702)</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	169.157.275.880	681.775.837.497
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	-	1.721.248.824
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (VQPP)	640.308.344	887.084.599
Ban quản lý dự án Đóng mới giàn khoan (PBB)	1.795.074.168	2.000.316.343
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	11.058.024.213	-
Cơ quan Tập đoàn	204.035.296.353	384.584.806.727
Công ty Cổ phần PVI	28.417.776	1.024.452.838
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	6.910.480.786.110	6.862.354.861.912
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	5.836.495.380	3.532.754.000
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	276.381.291.421	1.074.687.434.815
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	14.291.151.132	4.736.300.982
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	175.071.361.936	72.843.188.905
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	8.166.375.145	14.632.547.222
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	81.838.398.870	6.724.810.941
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	22.623.589	2.674.060.319
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	42.592.860.467	35.948.565.382
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	84.367.774.634	174.966.483.253
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	3.403.588.178	4.572.032.706
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	1.167.004.437.071	1.878.935.930.377
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	12.717.639.038	23.070.754.228
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	5.247.310.609	29.801.030.875
	<u>72.737.068.993</u>	<u>147.766.884.490</u>
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	72.737.068.993	147.766.884.490

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	13.391.182.917	14.933.000.000

**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	45.884.679.815	211.401.398.460
Cơ quan Tập đoàn	4.236.783.967	5.328.258.465
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	122.391.093.472	301.518.324.180
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	1.397.854.766	3.094.536.100
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	41.795.660.956	66.653.206.933
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	6.958.052.089	4.203.697.418
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	57.985.654.597	25.820.107.304
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.743.049.408	6.324.436.307
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	9.677.751.997	19.322.844.308
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	5.041.058.704	171.870.819
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	-	7.337.361.019
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	13.829.552.614	24.778.371.409
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	10.312.682.691	5.859.530.927
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí -CTCP	8.216.977.068	-

01/25  
CHI N  
CÔN  
CH NHỊ  
DELO  
VIỆT  
- TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	152.233.968.707	340.403.376.710
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	13.169.281.848	12.442.128.874
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	<u>3.675.147.624</u>	<u>24.947.175</u>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	1.301.175.000	1.423.711.000
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	12.121.667.803	1.235.928.176
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	<u>-</u>	<u>24.333.425.176</u>
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Cơ quan Tập đoàn	199.548.256.261	2.796.981.719
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	542.635.104.180	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	366.062.461.416	-
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	1.502.213.982	1.986.521.982
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí (PVFC)	<u>224.157.274.969</u>	<u>227.202.274.970</u>
<b>Phải trả</b>		
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	2.690.694.277	2.518.702.094
Cơ quan Tập đoàn	17.820.000.000	8.809.431.398
Công ty CP PVI	10.008.756.684	11.052.410.700
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	17.988.405.168	30.686.146.521
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	2.029.404.270	-
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	43.534.275.816	44.148.223.190
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	46.599.219.088	30.385.707.136
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	12.025.516.304	55.443.433.147
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	8.558.360.780	13.186.857.994
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	401.206.346.350	480.677.569.371
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	9.399.808.133	13.984.992.322
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	795.428.848	1.503.735.239
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	<u>37.510.842</u>	<u>2.504.659.720</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	1.262.298.859.827	898.485.905.175
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	2.097.702.433	175.293.467.611
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	77.359.324.212	35.855.169.443
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	2.819.458.738
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>-</u>	<u>13.030.233.139</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Cơ quan Tập đoàn	965.844.419.124	1.571.946.289.752
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	6.292.463.918	6.292.463.918
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	111.000.000.000	113.850.000.000
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	7.138.091.972	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	2.007.424.886	-
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	<u>-</u>	<u>7.840.000.000</u>
<b>Vay dài hạn</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>975.802.034.825</u>	<u>1.031.603.758.539</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>492.216.761.506</u>	<u>1.940.710.553.598</u>

0-00  
HÀNH  
TY  
HỮU  
TTE  
NAM  
HỒ C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2012 về việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và Quyết định số 02/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2013 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình. Theo đó, Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình sẽ chính thức hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1537/NQ-DKVN ngày 06 tháng 03 năm 2013 về việc chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam- PTSC tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Petrotrans) sang Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans). Theo đó, tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1 triệu cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ), giá chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Hiện tại, các bên đang chuẩn bị thủ tục để thực hiện theo Nghị quyết trên.

Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

